CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2024

CTCP Phốt Pho Apatit Việt Nam

Ngày 30/09/2024	88,300 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-0.2%	**-4.5%**	**-**

DT thuần
Q3/24
627
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 398| 174%
YoY: ▲ 165| 35.6%

LN thuần
Q3/24
71.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 12.3| 21.0%
YoY: ▼17.7| -19.9%

LN sau thuế
Q3/24
67.4
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 11.7| 21.0%
YoY: ▼16.1| -19.3%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/24
11.4%
YoY: +/-▼ 14.5%

ROE (TTM)
Q3/24
34.8%
YoY: +/-▼ 7.0%

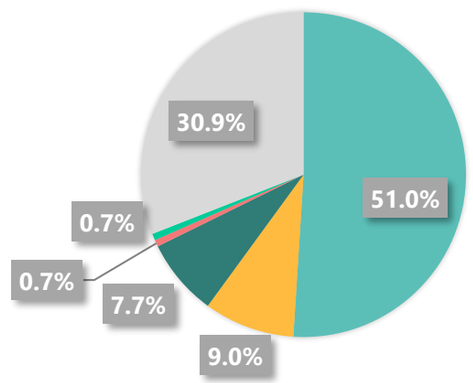
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	81,325 - 102,936
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,208
Số lượng CPLH (CP)	25,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	7,920
Sở hữu nước ngoài	0.5%
Beta	0.87
EPS	9,443
P/E	9.4

DT thuần
9T 2024
1,293
tỷ VNĐ
YoY: ▼55.0| -4.0%

LN thuần
9T 2024
194
tỷ VNĐ
YoY: ▼53.0| -21.4%

LN sau thuế
9T 2024
184
tỷ VNĐ
YoY: ▼49.0| -21.2%

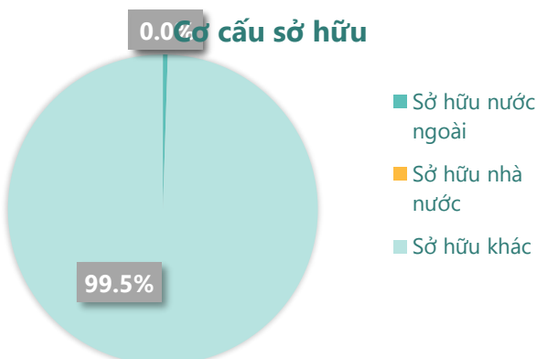
Cơ cấu cổ đông



- Công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang - Lào Cai
- Đào Hữu Duy Anh (Thành viên HĐQT)
- Đào Hữu Huyền (Chủ tịch HĐQT)
- Nguyễn Thị Hồng Lan
- Đào Hữu Kha
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

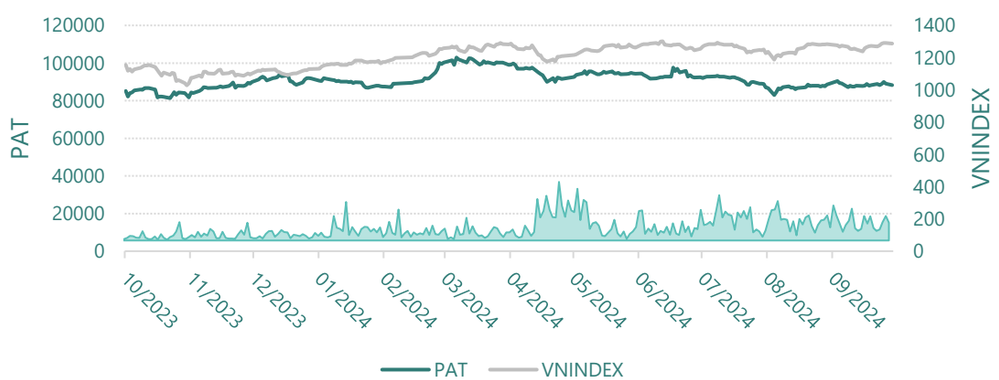
Cơ cấu sở hữu



- Sở hữu nước ngoài
- Sở hữu nhà nước
- Sở hữu khác

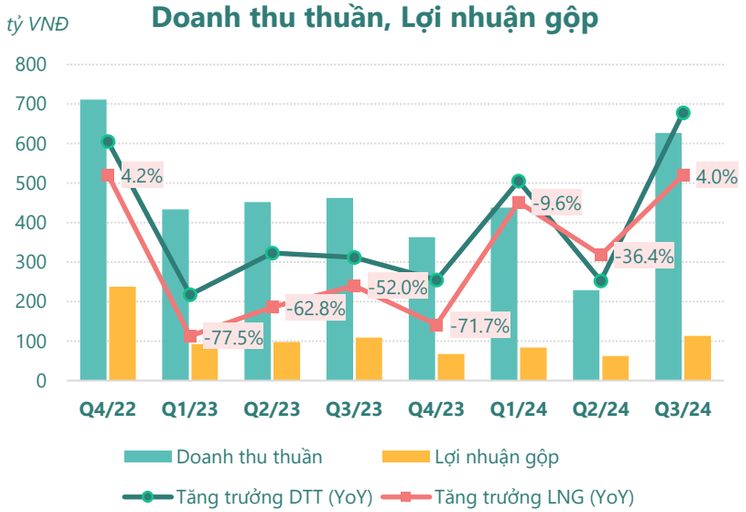
(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



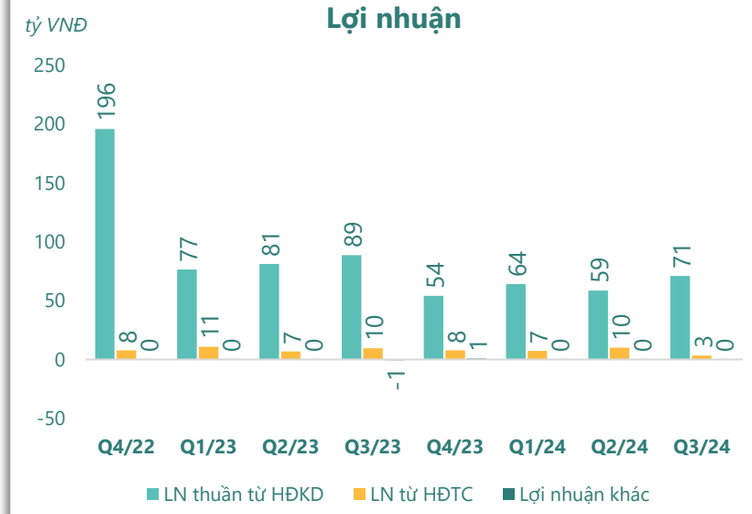
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



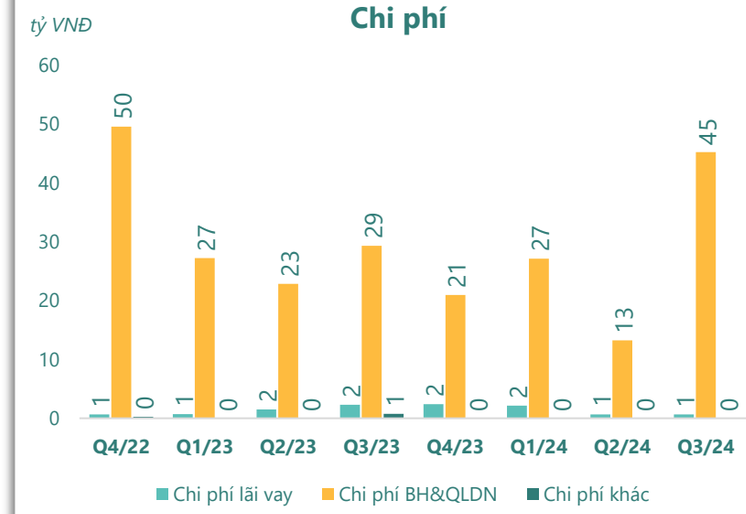
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



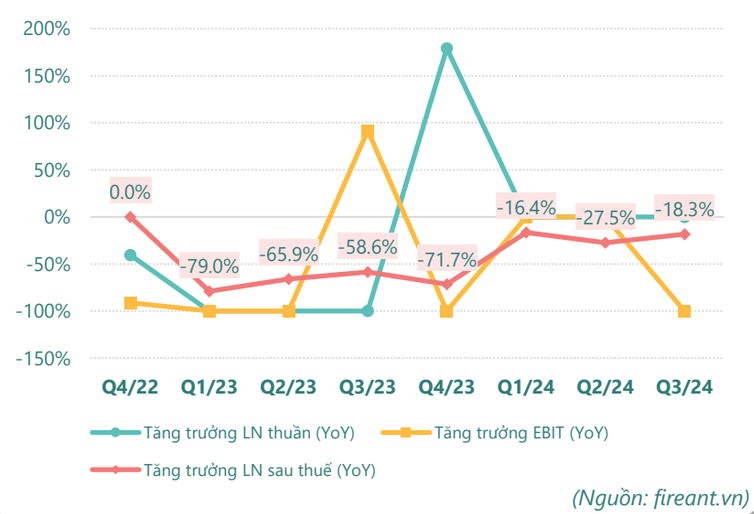
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



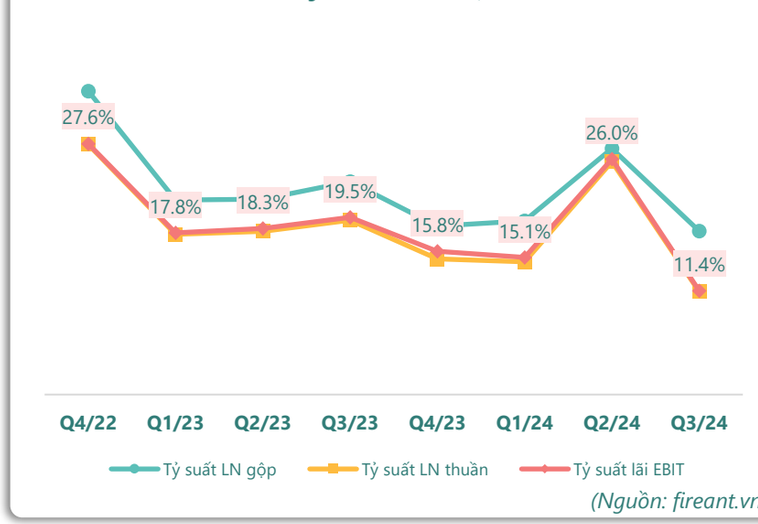
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



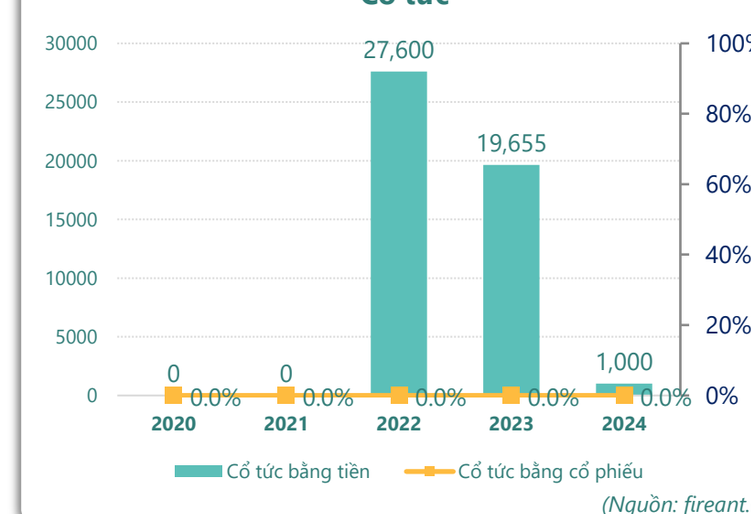
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

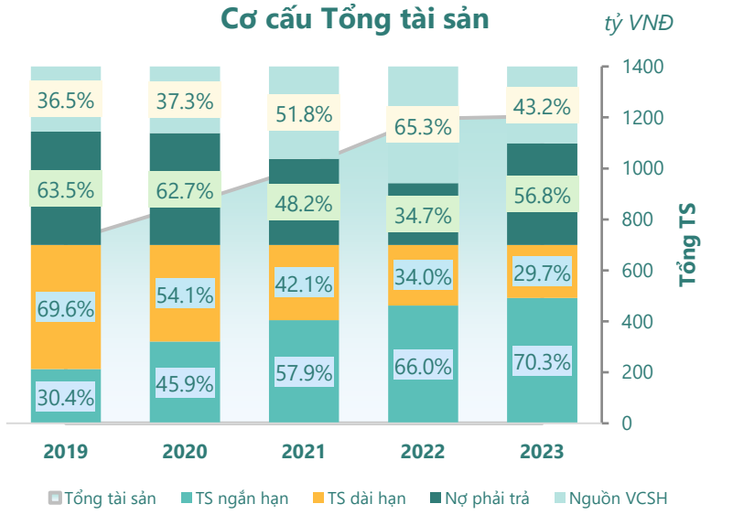
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

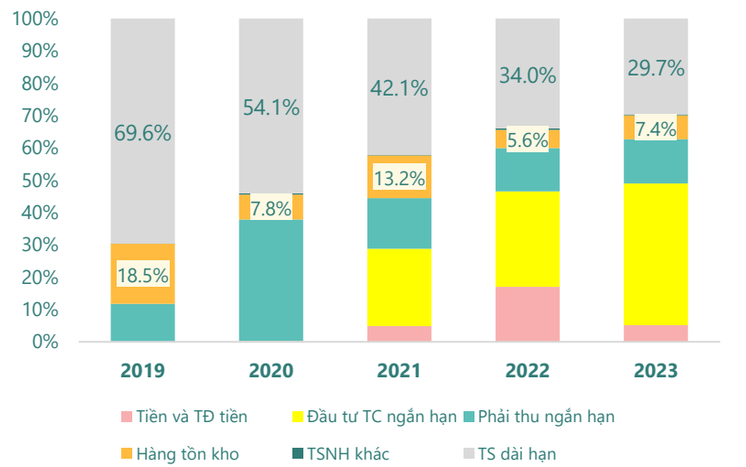
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



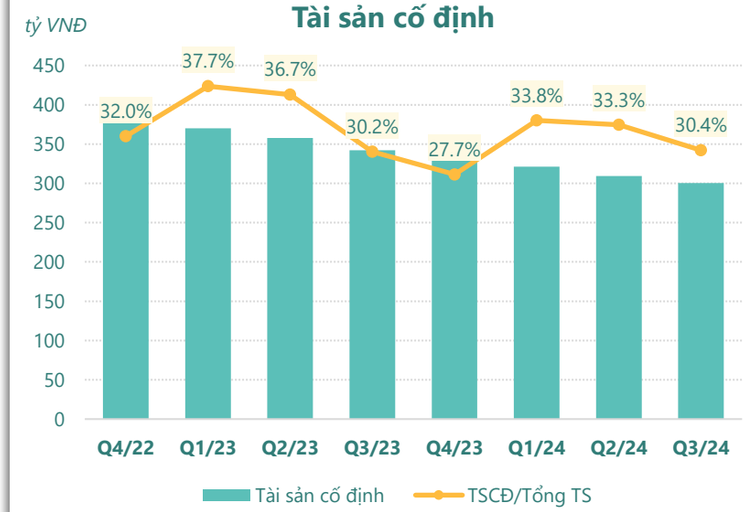
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



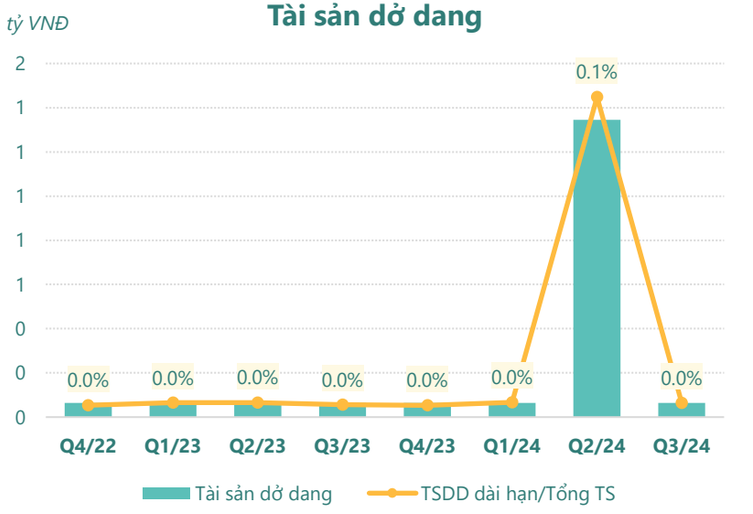
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



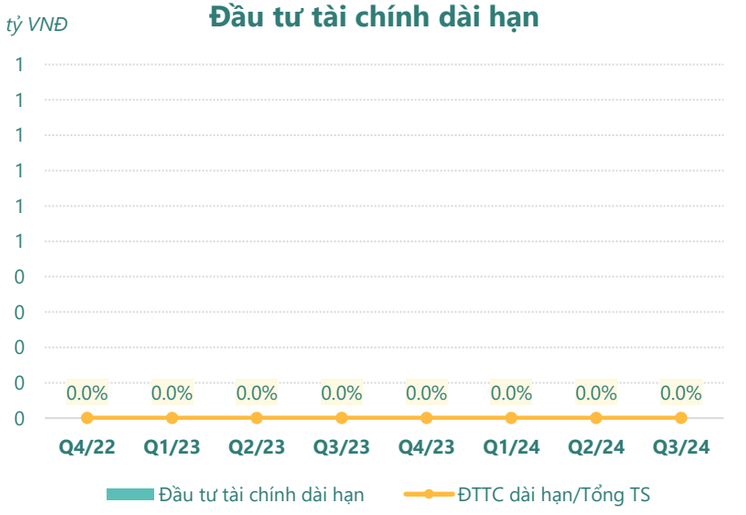
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



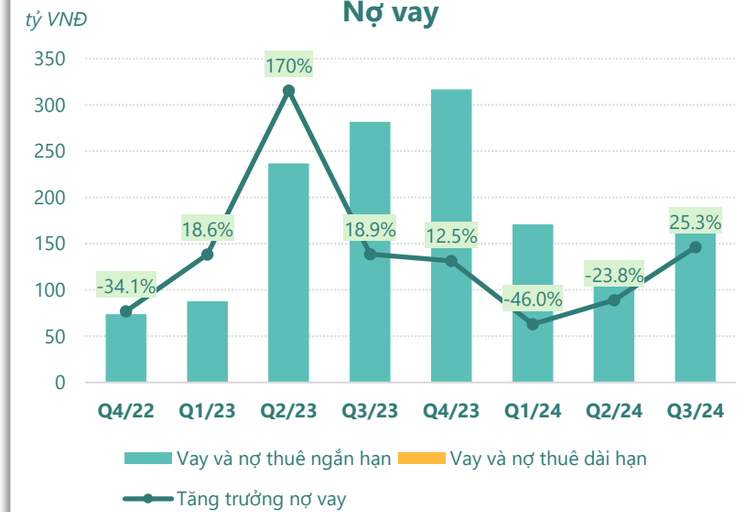
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

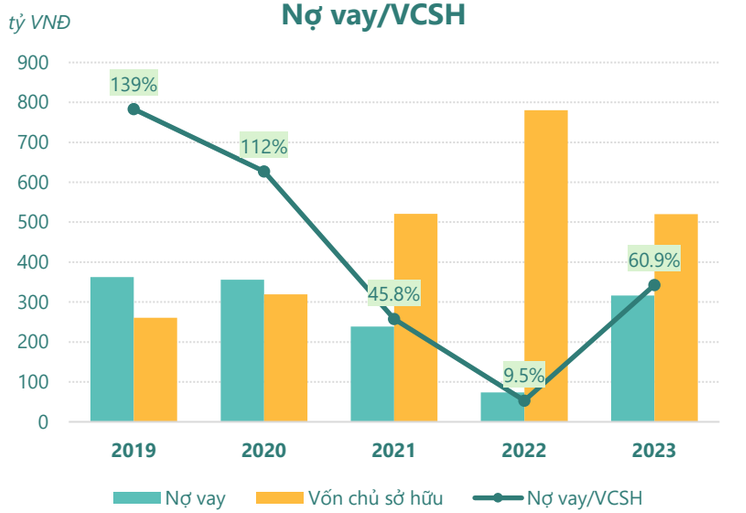
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

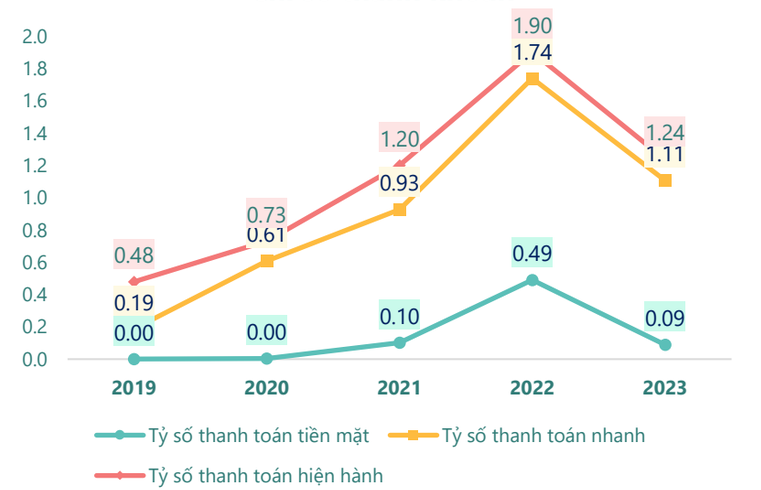
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



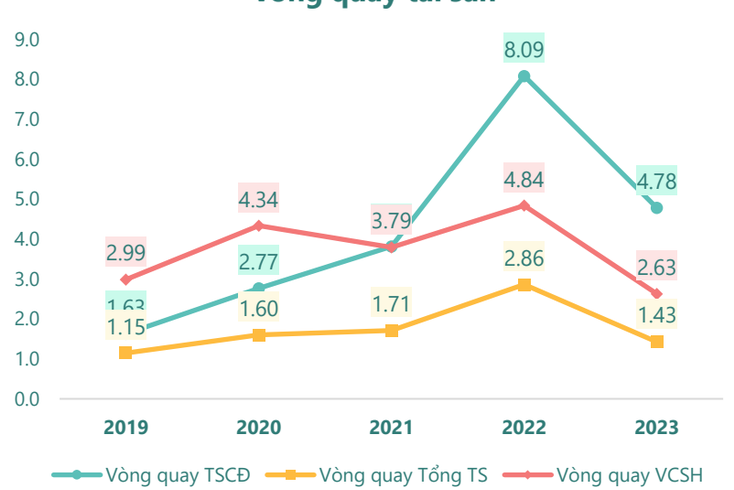
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



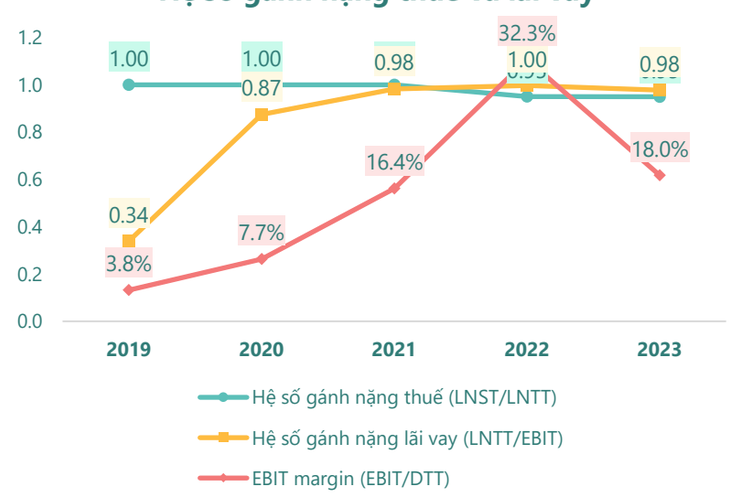
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



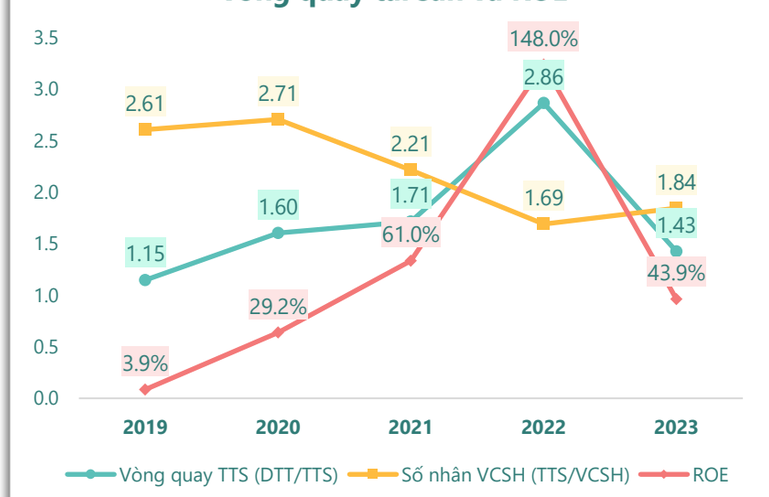
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



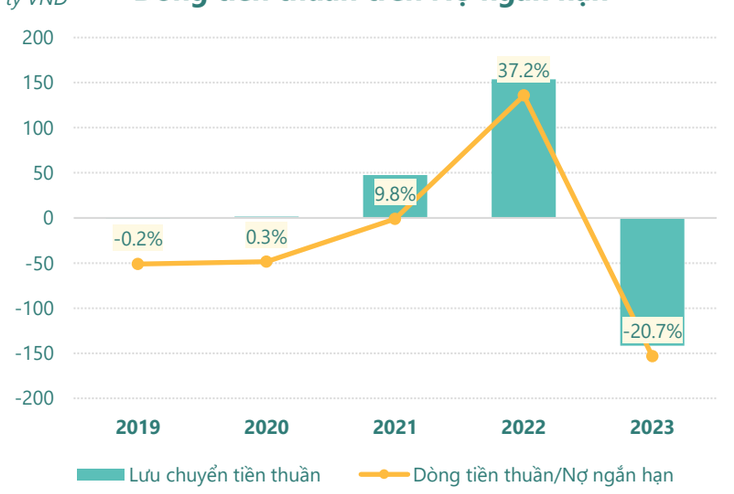
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q3/23	Thay đổi YoY	9T 2024	9T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**627**	**462**	**35.6%**	**1,293**	**1,348**	**-4.0%**
Giá vốn hàng bán	514	354	45.1%	1,034	1,049	-1.4%
Lợi nhuận gộp	113	109	3.6%	259	299	-13.4%
Doanh thu HĐTC	10.6	14.2	-25.2%	36.8	39.5	-7.0%
Chi phí TC	7.24	4.69	54.3%	16.2	12.3	31.2%
Chi phí lãi vay	0.65	2.32	-72.1%	3.49	4.56	-23.6%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	41.6	25.4	63.6%	74.4	68.4	8.9%
Chi phí QLDN	**3.72**	**3.95**	**-5.8%**	**11.2**	**11.1**	**1.0%**
LN thuần từ HĐKD	71.0	88.7	-19.9%	194	247	-21.4%
Lợi nhuận khác	**0**	**-0.74**	**100%**	**0**	**-0.74**	**100%**
LN trước thuế	71.0	88.0	-19.3%	194	246	-21.2%
Lợi nhuận sau thuế	**67.4**	**83.5**	**-19.3%**	**184**	**233**	**-21.2%**
LNST của CĐ cty mẹ	**67.4**	**83.5**	**-19.3%**	**184**	**233**	**-21.2%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	34.9	167	22.6	112	95.5	107
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	86.6	-203	-6.82	200	1.45	-143
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-121	43.3	36.3	-372	-64.6	33.0
Tiền đầu kỳ	1.60	2.31	9.50	61.6	1.73	34.1
Lưu chuyển tiền thuần	**0.71**	**7.19**	**52.1**	**-59.9**	**32.3**	**-3.19**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0.00	0.00	0	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	2.31	9.50	61.6	1.73	34.1	30.9

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**988**	**1,205**	**-18.0%**
Tài sản ngắn hạn	666	847	-21.5%
Tiền và tương đương tiền	30.9	61.6	-49.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	499	528	-5.5%
Phải thu ngắn hạn	62.3	165	-62.3%
Hàng tồn kho	72.0	89.0	-19.1%
Tài sản ngắn hạn khác	1.21	3.33	-63.7%
Tài sản dài hạn	**322**	**357**	**-9.8%**
Phải thu dài hạn	2.00	2.00	0.0%
Tài sản cố định	301	333	-9.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.06	0.06	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**19.7**	**21.9**	**-10.1%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	325	685	-52.5%
Nợ ngắn hạn	**325**	**685**	**-52.5%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	163	317	-48.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	63.3	24.2	161%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**663**	**520**	**27.4%**
Vốn chủ sở hữu	**663**	**520**	**27.4%**
Vốn điều lệ	250	250	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)